

Bộ Ngoại thương phải đảm bảo nhập khẩu đủ, đúng và kịp thời các thiết bị vật tư và phụ tùng thay thế theo chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước.

Các ngành lương thực, nội thương, y tế... cần có kế hoạch bảo đảm nhu cầu về đời sống và sức khỏe cho công nhân, dân công ở các công trường thủy lợi. Riêng ngành nội thương phải tổ chức kinh doanh, bảo đảm cung cấp đầy đủ các công cụ lao động phổ thông, công cụ cải tiến với chất lượng tốt cho các công trường thủy lợi.

Các cơ quan tuyên truyền, báo chí cần nắm vững mục tiêu, yêu cầu và các chủ trương lớn của phong trào thủy lợi, tuyên truyền động viên các ngành, các cấp thực hiện nhiệm vụ của phong trào; biểu dương kịp thời người tốt, việc tốt và phê phán sâu sắc việc làm sai trái, nhất là những việc gây lãng phí lao động, lãng phí tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Các đoàn thể quần chúng, nhất là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cần có kế hoạch vận động đoàn viên tham gia phong trào này.

Đồng chí Bộ trưởng Bộ Thủy lợi sẽ cùng với các ngành bàn bạc và phân công cụ thể những việc cần làm, khối lượng và thời gian hoàn thành những việc ấy.

4. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và chính quyền các cấp đối với công tác thủy lợi. Ở mỗi địa phương, mỗi cấp ủy Đảng và chính quyền phải xác định và làm chủ quy hoạch thủy lợi của địa phương mình, gắn chặt quy hoạch thủy lợi với quy hoạch sản xuất, quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, gắn chặt thủy lợi hóa với hợp tác hóa, cơ giới hóa, và tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện. Phải chỉ đạo chặt chẽ việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thủy lợi 3 năm và các kế hoạch hàng năm, trước mắt là kế hoạch 1978, trên tinh thần huy động toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiến công mạnh mẽ vào mặt trận thủy lợi. Phải chú trọng tăng cường và củng cố tổ chức của ngành thủy lợi bao gồm cả cơ quan quản lý Nhà nước và các đơn vị sản xuất nhất là ở các tỉnh miền Nam, đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhanh đội ngũ cán bộ này để bổ sung kịp thời cho các Ty, phòng thủy lợi. Phải tổ chức tốt phong trào đồng khởi thi đua làm thủy lợi, biểu dương và khen thưởng kịp thời những ngành, những đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác thủy lợi.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo phong trào 3 năm làm thủy lợi phục vụ nông nghiệp và sẽ phân công một đồng chí Phó thủ tướng giải quyết các vấn đề do phong trào đặt ra. Ba tháng một lần, Thường vụ sẽ nghe Bộ Thủy lợi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này cần được phổ biến nguyên văn trong các cấp, các ngành từ trung ương xuống đến xã, và tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 1977

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM HÙNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên bộ số 2615-TT/LB
ngày 6-8-1977 quy định tạm thời
định mức chi phí khảo sát và thiết
kế các công trình xây dựng cơ bản.

Trong xây dựng cơ bản, thiết kế là khâu quyết định nội dung kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật công trình, là căn cứ để xác định giá trị công trình ghi vào kế hoạch đầu tư của Nhà nước.

Chi phí khảo sát - thiết kế là một bộ phận của giá trị công trình nhằm đảm bảo cho việc lập hồ sơ thiết kế - dự toán công trình đáp ứng yêu cầu của bản nhiệm vụ thiết kế được cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Từ trước tới nay Nhà nước chưa có quy định thống nhất định mức chi phí khảo sát - thiết kế, một số ngành đã ban hành nhiều định mức khác nhau, do đó việc ký kết hợp đồng giao nhận thầu và thanh toán tiền khảo sát - thiết kế gặp nhiều trở ngại.

Đề các cơ quan chủ quản có căn cứ lập kế hoạch ký kết hợp đồng kinh tế và thanh toán tiền khảo sát - thiết kế, các đơn vị khảo sát - thiết kế có cơ sở thực hiện hạch toán kinh tế theo phương thức quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính ban hành thông tư liên bộ này quy định tạm thời định mức chi phí khảo sát - thiết kế, nhằm bước đầu thống nhất quản lý trong ngành, làm cơ sở tiến tới xây dựng và ban hành giá cho công tác khảo sát thiết kế.

A. ĐỊNH MỨC CỤ THỂ

Định mức chi phí khảo sát — thiết kế được quy định cho từng đối tượng xây dựng theo danh mục dưới đây:

Đơn vị tính: %

Số TT	Đối tượng xây dựng và điều kiện thiết kế	Định mức tỷ lệ	
		Thiết kế	Khảo sát
I. THIẾT KẾ MỚI (một bước hoặc hai bước)			
1	Sau lấp mặt bằng khu vực xây dựng (được đầu tư thành danh mục riêng trong kế hoạch Nhà nước)	0,6	
2	Đường gòong, đường sắt (kề cả hầm đường sắt)	1,0	1,3
3	Đường ô-tô (kề cả hầm đường ô-tô)	1,0	1,3
4	Đường vận tải chuyên dùng ở mỏ, đường vận xuất làm nghiệp	1,2	1,3
5	Đường ống dẫn nước, dẫn khí, dẫn nhiên liệu lỏng	1,0	1,3
6	Cầu sắt, cầu cáp các loại, cầu bêton	1,0	1,3
7	Cảng sông, cảng biển, công trình, chính trị sông (bao gồm cả triều, đà, ụ tàu)	1,0	1,3
8	Sân bay	2,0	1,0
9	Các công trình dân dụng có trang bị tiện nghi sinh hoạt hiện đại hoặc đòi hỏi kỹ thuật cao (khách sạn, cung thiếu nhi, biệt thự, cung văn hóa, cung thể thao, trụ sở Quốc hội, nhà khách Chính phủ, viện bảo tàng, viện nghiên cứu, trường đại học, nhà hát, rạp chiếu bóng, bể bơi, sân vận động).	3,0	0,5
10	Các công trình dân dụng không đòi hỏi kỹ thuật cao như đã nêu ở điểm (9) trên đây (hội trường, câu lạc bộ, nhà trẻ, nhà mẫu giáo, nhà ga, nhà ở, nhà làm việc, cửa hàng các loại từ hai tầng trở lên, trường học, nhà lắp ghép từ 3 tầng trở lên, bệnh viện trên 150 giường)	2,0	0,5
11	Các công trình dân dụng thông thường (nhà trẻ, nhà làm việc, nhà ở, nhà ăn, nhà mẫu giáo, các loại cửa hàng một tầng, trường học, nhà lắp ghép đến 2 tầng, bệnh viện đến 150 giường, Gara ô-tô, nhà để xe đạp, nhà vệ sinh riêng lẻ, sân bãi thể dục thể thao, các công trình dân dụng khác chưa nêu ở điểm (10) và điểm (11).	1,5	0,5
12	Các công trình khai hoang, xây dựng đồng ruộng, đồng cỏ	2,0	1,5
13	Các chuồng trại chăn nuôi	1,5	0,5
14	Xí nghiệp chăn nuôi công nghiệp	2,5	0,5
15	Các loại kho : — Kho có trang bị hệ thống bốc rót cơ giới, có trang bị điều hòa, ổn ẩm độ hoặc có yêu cầu đặc biệt khác — Kho ngầm — Kho thông thường khác	3,5 3,0 1,5	0,5 0,5 0,5
16	Trạm thủy điện, trạm bơm trực đứng : — Từ 3 triệu đồng trở lên — Dưới 3 triệu đồng	3,5 4,5	1,0
17	Công trình đầu mối thủy lợi — đường hầm xi phông (không kể đến 2 loại ở điểm 16) : — Từ 3 triệu đồng trở lên — Dưới 3 triệu đồng	3,0 3,5	1,5
18	Hệ thống kênh mương và các hạng mục công trình trên kênh : — Từ 3 triệu đồng trở lên — Dưới 3 triệu đồng	2,0 2,5	1,5
19	Nhà máy nhiệt điện, trạm điện đi-ê-den	4,5	1,0

Số TT	Đối tượng xây dựng và điều kiện thiết kế	Định mức tỷ lệ	
		Thiết kế	Khảo sát
20	Trạm biến thế : — Có dung lượng trên 3200 kVA — Có dung lượng từ 1800 kVA — 3200kVA — Có dung lượng dưới 1800 kVA	3.8 8.0 10.0	1.0
21	Đường dây tải điện	2.5	1.0
	Riêng đường dây tải điện (nhánh) riêng lẻ dưới 5 km được tính	4.0	1.0
22	Các nhà máy tuyển khoáng, luyện kim, các mỏ khai thác hầm lò, lộ thiên	4.5	1.0
23	Các nhà máy cơ khí (sửa chữa và chế tạo), nhà máy đóng tàu (đóng mới và sửa chữa)	4.5	1.0
24	Các nhà máy hóa chất, dầu mỏ, phân hóa học, thuốc trừ sâu	4.5	1.0
25	Các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng : — Xi măng, — Thủy tinh, gốm, sành sứ — Gạch nung, gạch không nung, gạch chịu lửa, ngói, vôi và các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng khác	4.5 3.0 2.5	1.0 1.0 1.0
26	Các nhà máy chế biến lương thực thực phẩm, thức ăn gia súc	3.0	1.0
27	Các nhà máy công nghiệp nhẹ : in hoa, nhuộm, thuốc da, may mặc, nhà máy chế biến lâm sản, nhà máy nước, khu xử lý nước thải, v.v...	3.0	1.0
28	Các lâm trường khai thác và trồng rừng, vườn ươm, bãi gỗ	2.0	1.0
29	Đường dây thông tin : — Đường dây đường dài — Đường dây nội hạt (cáp, dây trần)	2.5 2.0	1.0 1.0
30	Đài phát thanh, đài vô tuyến truyền hình, đài thu phát tin	4.5	1.0
31	Các loại đài báo thoại, trạm điện thoại, trạm tiếp âm bưu chính	5.0	1.0
II. — THIẾT KẾ MỚI 3 BƯỚC			
32	Thiết kế 3 bước được áp dụng hệ số 1,2 của định mức tương ứng		
III. — THIẾT KẾ ĐIỀN HÌNH			
33	Lập thiết kế điền hình được áp dụng hệ số 1,8 của định mức tương ứng		
IV. — ÁP DỤNG THIẾT KẾ ĐÃ CÓ			
34	Áp dụng thiết kế đã có được tính thống nhất cho tất cả các đối tượng xây dựng		0,5
V. — THIẾT KẾ CẢI TẠO, MỞ RỘNG, PHỤC HỒI			
35	Thiết kế cải tạo, phục hồi được áp dụng hệ số 1,5 của định mức tương ứng		
36	Thiết kế mở rộng : — Có cải tiến dây chuyền công nghệ áp dụng hệ số 1,5 của định mức tương ứng — Không cải tiến dây chuyền công nghệ áp dụng hệ số 1,2 của định mức tương ứng		
VI. — LẬP KHAI TOÁN, VÀ DỰ TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH DO NƯỚC NGOÀI THIẾT KẾ			
37	Kinh phí lập khai toán và tổng khai toán được tính 1,5% của tiền thiết kế phí tương ứng		
38	Kinh phí lập dự toán và tổng dự toán được tính 8% của tiền thiết kế phí tương ứng		

B. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

1. Định mức chi phí thiết kế (gọi tắt là thiết kế phí) trong bản định mức trên đây dùng làm căn cứ lập dự toán các đối tượng xây dựng và thanh toán giữa bên giao thầu (A) và bên nhận thầu thiết kế (TK) khi hợp đồng thiết kế.

Đối với công trình có nhiều hạng mục, thiết kế phí trong bản định mức trên đây được áp dụng cụ thể theo tính chất của hạng mục công trình chủ yếu.

Số tiền cụ thể được tính theo công thức :

$$C = J \times G$$

Trong đó :

C là tiền thanh toán thiết kế phí,

J là tỷ lệ phần trăm (%) định mức thiết kế phí.

G là giá trị dự toán xây lắp.

Khi thanh toán, nếu phát sinh khoản chênh lệch (thừa, thiếu) giữa số tiền thanh toán thiết kế phí thu được với chi phí thực tế thì :

a) Đối với các đơn vị thiết kế đã thực hiện hạch toán kinh tế, được hạch toán vào lỗ lãi của đơn vị.

b) Đối với các đơn vị thiết kế chưa thực hiện hạch toán kinh tế thì số chênh lệch thừa phải nộp ngân sách Nhà nước, số chênh lệch thiếu sẽ được ngân sách Nhà nước cấp bù.

2. Định mức chi phí khảo sát phục vụ cho thiết kế được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của vốn xây lắp công trình đã ghi trong kế hoạch và chi dùng để lập dự trù vốn. Đơn vị thiết kế phải lập yêu cầu nội dung khảo sát và dự toán chi phí cụ thể thông qua bên A trình Bộ chủ quản (nếu là công trình thuộc trung ương) hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (nếu là công trình thuộc địa phương) xét duyệt đề thanh toán.

3. Thiết kế các đối tượng xây dựng chưa có trong danh mục trên đây hoặc xét thấy không thể áp dụng các loại đối tượng xây dựng tương tự, đơn vị thiết kế lập dự toán chi phí cụ thể thông qua bên A trình Bộ chủ quản duyệt (có sự thỏa thuận của Bộ Xây dựng) mới được thanh toán.

4. Những đơn vị đã có đơn giá khảo sát, thiết kế được duyệt thì được dùng để lập dự toán và thanh toán theo đơn giá đó.

5. Đơn giá khảo sát, đơn giá thiết kế do Bộ ngành, trực tiếp quản lý hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xét duyệt hoặc ban hành sau khi có sự thỏa thuận của Bộ Xây dựng.

6. Số lượng hồ sơ thiết kế, khái toán, dự toán, bên thiết kế giao cho bên A được quy định đề tính định mức như sau :

- Thiết kế sơ bộ và tổng khái toán : 10 bộ
- Thiết kế kỹ thuật và dự toán : 7 bộ
- Bản vẽ thi công và tổng dự toán : 11 bộ

7. Đơn vị thiết kế phải bảo đảm đầy đủ nội dung hồ sơ thiết kế khái toán, dự toán và trách nhiệm đối với công tác này theo đúng chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

8. Định mức chi phí lập khái toán và tổng khái toán, lập dự toán và tổng dự toán các công trình do nước ngoài thiết kế chưa tính đến chi phí dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt Nam.

9. Các chi phí lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, lập nhiệm vụ thiết kế, thiết kế quy hoạch thành phố, thị xã, thị trấn... sẽ có quy định riêng.

10. Định mức chi phí khảo sát — thiết kế trong thông tư này chỉ áp dụng cho các tổ chức của Nhà nước. Không áp dụng cho các tổ chức tư nhân.

11. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 10 năm 1977 và thay thế cho các quy định trước đây về vấn đề chi phí khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng cơ bản.

Quá trình áp dụng nếu gặp khó khăn vướng mắc, các đơn vị báo cáo kịp thời cho liên bộ biết để nghiên cứu giải quyết.

Liên bộ giao cho Viện kinh tế xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) có sự phối hợp của Vụ công nghiệp xây dựng (thuộc Bộ Tài chính) hướng dẫn và theo dõi thực hiện định mức này, đồng thời nghiên cứu sửa đổi và bổ sung những điều cần thiết trình liên bộ xét và quyết định.

Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 1977

K.T. Bộ trưởng

Bộ Tài chính

Thủ trưởng

VÕ TRÍ CAO

K.T. Bộ trưởng

Bộ Xây dựng

Thủ trưởng

LÊ DANH

BỘ VẬT TƯ

THÔNG TƯ số 1657-VT/QL ngày 9-8-1977 hướng dẫn thi hành chi thị số 160-TTg ngày 29-4-1975 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi và sử dụng sảm lốp ô-tô cũ.

Ngày 29 tháng 4 năm 1975 Thủ tướng Chính phủ đã có chi thị số 160-TTg về việc thu hồi và sử dụng sảm lốp ô-tô cũ, nhằm sử dụng tiết kiệm các loại sảm lốp ô-tô.

Trong khi chờ thông tư hướng dẫn thi hành chi thị trên, ngày 2 tháng 5 năm 1977 Bộ Vật